

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến.

Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1987, nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố D, phường Ni, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Tổ X, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Tuấn K, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Ni, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 13-3-2018, Bản tự khai ngày 16-3-2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 19-3-2018, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tuấn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2011, nhưng đến ngày 01-11-2011 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị và anh K chung sống tại Tổ dân phố D, phường Ni, quận Đ, thành phố Hải Phòng cùng với bố, mẹ của anh K. Chị và anh K chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn hai năm thì

phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, đôi khi anh K còn đánh chị. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, phong cách sống của hai bên không phù hợp, không tin tưởng nhau về tình cảm. Đã có lần chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở, nhưng được sự khuyên giải của gia đình cùng với việc anh K hứa sẽ thay đổi cách sống nên chị đã về tiếp tục chung sống cùng với anh K. Thời gian gần đây, anh K sống không có trách nhiệm với vợ và con, lại thường xuyên gây sự với chị, có những lời lẽ xúc phạm chị nhiều hơn, khi nóng giận anh K vẫn tiếp tục chửi, đánh chị. Chị cũng đã cố gắng chung sống hòa thuận với anh K nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không cải thiện được, tình cảm vợ chồng rạn nứt, lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ khoảng cuối tháng 01-2018 đến nay, chị và anh K đã sống ly thân. Trong thời gian này, anh K gọi điện cho chị nhiều lần bảo chị về chung sống nhưng chị không về. Đến nay, chị thấy cuộc sống vợ chồng luôn phải chịu đựng nhau, không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Lê Thị Yên N, sinh ngày 07-10-2011 và Lê Hoàng P, sinh ngày 28-01-2016. Hiện nay, chị làm công nhân tại Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ Du lịch Hải Phòng, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 5.500.000 đồng và có đủ điều kiện để nuôi các con. Anh K hiện tại chỉ sống một mình, hàng ngày đi làm không thể chăm sóc tốt cho các con được. Từ khi chị sống ly thân với anh K, cháu N và cháu P vẫn ở cùng với chị. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 28-3-2018, bị đơn là anh Lê Tuấn K trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng năm 2011. Anh và chị T chung sống hòa thuận được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do anh và chị T luôn bất đồng quan điểm sống. Khoảng cuối tháng 01-2018, giữa anh và chị T lại xảy ra xô sát, cãi nhau, khi anh nóng giận anh có đánh chị T nên chị T đã mang theo hai con về bố, mẹ đẻ ở. Trong thời gian này, anh có gặp và gọi điện cho chị T nhiều lần để thuyết phục chị T về chung sống với anh nhưng chị T không về. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh cũng đã gặp trực tiếp chị T nói chuyện đề nghị chị T bỏ qua mọi việc để vợ chồng về tiếp tục chung sống cùng nuôi dạy các con. Tuy nhiên, chị T vẫn kiên quyết ly hôn, anh thấy tình cảm giữa anh và chị T không níu kéo được nữa nên anh đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Lê Thị Yên N, sinh ngày 07-10-2011 và Lê Hoàng P, sinh ngày 28-01-2016. Anh đồng ý để cháu N và cháu P cho chị T nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh K; về con chung, chị nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lê Tuấn K. Về con chung, giao con chung Lê Thị Yến N và Lê Hoàng P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là anh Lê Tuấn K, cư trú tại: Tổ D, phường Ni, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 09-4-2018, anh K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

Về hôn nhân:

[3]. Chị Hoàng Thị T và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng năm 2011. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Chị T và anh K chung sống hòa thuận, hạnh phúc được mấy năm đầu sau kết hôn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, đôi khi còn đánh nhau. Cuộc sống của anh, chị căng thẳng, không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do giữa chị T và anh K bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về tình cảm. Từ khoảng cuối tháng 01-2018 đến nay,

chị T và anh K đã sống ly thân. Trong thời gian này, anh K đã nhiều lần chủ động gọi điện thoại để thuyết phục chị T về chung sống nhưng chị T không về. Mặc dù được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân của chị T và anh K vẫn không cải thiện được. Sự mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn mà tự anh, chị không thể hòa giải được. Trong quá trình tố tụng, cả chị T và anh K đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Có thể thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn hạnh phúc, đời sống chung từ lâu đã không còn tồn tại, hai bên không có nguyện vọng hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, quay về đoàn tụ. Anh K cũng đồng ý ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K, theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là Lê Thị Yên N, sinh ngày 07-10-2011 và Lê Hoàng P, sinh ngày 28-01-2016. Chị T nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K đồng ý để chị T nuôi cháu N và cháu P, nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong khoảng thời gian chị T và anh K sống ly thân, cháu N và cháu P sống cùng với chị T, được chị T cùng gia đình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị T làm công nhân tại Công ty Cổ phần Công trình Công cộng và Dịch vụ Du lịch Hải Phòng có thu nhập ổn định hàng tháng là 5.500.000 đồng nên đã đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con chung. Việc giao cháu N và cháu P cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi cho các cháu. Chị T và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh K được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lê Tuấn K.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung là Lê Thị Yến N, sinh ngày 07-10-2011 và Lê Hoàng P, sinh ngày 28-01-2016 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Hoặc cho đến khi chị T và anh K có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0006794 ngày 13-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND. thành phố Hải Phòng;
- VKSND. quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS. quận Đồ Sơn;
- UBND. phường Vạn Hương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường